



CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU'
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM, KIỂM NGHIỆM,
KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số: HQ.25.01466

**Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận sản phẩm
phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia:**

Tên sản phẩm : Lecithin
Số lượng/ khối lượng : 800 thùng/160.000 kg
Hãng, nước sản xuất : TTET Union Corporation, Taiwan
Thuộc lô hàng nhập khẩu
Hợp đồng số : PIO 250218H-1 ngày 18/02/2025
Hóa đơn số : RW250310H ngày 10/3/2025
Vận đơn số : KHHCLI50307KB009
Ngày sản xuất : 01-02/2025
Giấy đăng ký kiểm tra : 1717/HQ-GDK-TTKN ngày 18/03/2025
chất lượng (Mã hồ sơ: BNNPTNT29250033448)
Đơn vị được cấp : **CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI C.P. VN-CN
SXKD THỨC ĂN THỦY SẢN**
Địa chỉ: Lô A21-A35 KCN An Hiệp, xã An Hiệp, huyện
Châu Thành, tỉnh Bến Tre, Việt Nam
Phương thức đánh giá : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHCN
ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)
Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật : QCVN 02-31-2:2019/BNNPTNT
Có giá trị đến ngày : Hết hạn sử dụng sản phẩm

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Quyết định chứng nhận
Số: 16/QĐ-TTKN-CNKN
Ngày 05 tháng 4 năm 2025



Hà Thanh Tùng





CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU'
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM, KIỂM NGHIỆM,
KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số: HQ.25.01467

**Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận sản phẩm
phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia:**

Tên sản phẩm : **Bột gan mực (SQUID LIVER POWDER)**
Số lượng/ khối lượng : 12.960 bao/324.000 kg
Hãng, nước sản xuất : Hyundai Special Feed Ind. Co., Ltd. (Korea)
Thuộc lô hàng nhập khẩu
Hợp đồng số : HYS20250110D ngày 14/01/2025
Hóa đơn số : HSFP-250225B-VN ngày 25/02/2025
Vận đơn số : HASLK02250200433
Ngày sản xuất : 18-25/02/2025
Giấy đăng ký kiểm tra : 1511/HQ-GDK-TTKN ngày 11/03/2025
chất lượng (Mã hồ sơ: BNNPTNT29250033244)
Đơn vị được cấp : **CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI C.P. VN-CN
SXKD THỨC ĂN THỦY SẢN**
Địa chỉ: Lô A21-A35 KCN An Hiệp, Xã An Hiệp, Huyện
Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam
Phương thức đánh giá : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHCN
ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)
Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật : QCVN 01-190:2020/BNNPTNT; sửa đổi 1-2021 QCVN
01-190:2020/BNNPTNT
Có giá trị đến ngày : Hết hạn sử dụng sản phẩm

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Quyết định chứng nhận

Số: 16 /QĐ-TTKN-CNKN

Ngày 05 tháng 4 năm 2025



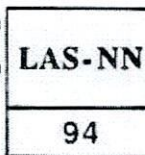
Hà Thanh Tùng





TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM, KIỂM NGHIỆM,
KIỂM ĐỊNH NUÔI TRỒNG THỦY SẢN
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Address: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 092 327 9799
Email: astac.mk@gmail.com



PHIẾU YÊU CẦU/ REQUISITION FORM

Số/No.: 871 / 2025

1. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG YÊU CẦU/ CUSTOMER INFORMATION REQUESTED

a. Đơn vị/ người gửi mẫu/ Sample sender:

Tên / Name: Quách Thị Thu Huyền

Địa chỉ/ Address: Số 9, Nguyễn Văn Cừ (nối dài), P. An Bình, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ

Số điện thoại/Tel: Email: huyenquach070984@gmail.com

Người liên hệ/ Contact Person: Quách Thị Thu Huyền Điện thoại/Tel: 0987167000

b. Thông tin xuất hóa đơn/ Billing information (☐ Có/Yes; ☐ Không/No):

Tên / Name:

Địa chỉ/ Address:

Mã số thuế/ Tax code:

E-mail gửi hoá đơn:

c. Thông tin mẫu / Sample information

TT	Tên mẫu/ Sample name	Mô tả mẫu/ Sample description	Khối lượng/Weight hoặc/or Thể tích/Volume	Chỉ tiêu yêu cầu/ Required parameter	Phương pháp thử/ Test method (nếu có/ if any)	Mã số mẫu/ Sample code (TTVI ghi cột này/TTVI writes this column)
1	Lecithin	Mẫu dạng lỏng đựng trong hũ nhựa có nắp bảo quả nhiệt độ thường (Thức ăn bổ sung – Sản phẩm chiết xuất từ thực vật)	500 gram	1. Asen (As) vô cơ: mg/kg 2. Chì (Pb): mg/kg 3. Thủy ngân (Hg): mg/kg		
			500 gram	1. Salmonella spp.:/25g 2. Escherichia coli: CFU/g		

c. Yêu cầu khác/ Other requirements

Mục đích / Purpose: ☐ Thử nghiệm/ Analysis; ☐ Giám định/ Assess; ☐ Khác/ other: Trả kết quả/ Result format: ☐ Trực tiếp/Directly; ☐ Thư/Letter; ☒ Email (bản ký số/digital signature) Nhà thầu phụ/Subcontractor (If any): ☐ Nhận lại mẫu sau thử nghiệm/ Returning sample request : ☐ Có/Yes ☐ Không/No Yêu cầu khác/ Other requirements (nếu có/if any):	Người gửi mẫu/ Customer Quách Thị Thu Huyền
--	---

2. XÁC NHẬN CỦA TRUNG TÂM/ ASTAC VERIFICATION

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 8h 1/4/2025 Ngày dự kiến trả kết quả / Expected date of issue: 5/4/2025 Tình trạng bao gói mẫu/ Sample packaging condition: ☒ Nguyên vẹn/ Intact; ☐ Không nguyên vẹn/ Not Intact Nhiệt độ bảo quản mẫu/ Sample storage temperature: ☒ Môi trường/ Environmental; ☐ Lạnh/ cold; ☐ Đông lạnh/ Frozen Ghi chú/note:	Người nhận mẫu/ Recipient Nguyễn Ngọc Ánh
--	---

Ghi chú:

- Quý khách hàng ghi đúng, đầy đủ thông tin theo nhu cầu vào mục 1 ngoại trừ cột “Mã số mẫu/ Sample code”, Trung tâm không chịu trách nhiệm về các thông tin do khách hàng cung cấp/ Customers must fill in correct and complete information according to their needs in section 1 except for the "Sample code" column. ASTAC is not responsible for the information provided by customers.

Cần Thơ, ngày 01 tháng 04 năm 2025

BIÊN BẢN MÃ HÓA MẪU PHÂN TÍCH

1. Người thực hiện gửi và mã hóa mẫu:

- Họ tên: Quách Thị Thu Huyền
- Đơn vị: Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định NTTS Vùng I

2. Tên đơn vị nhập khẩu: Cty Cổ Phần Chăn Nuôi C.P. VN-CN SXKD Thức Ăn Thủy Sản

3. Thời gian thực hiện: ngày 01/04/2025

4. Thực hiện giao mã hóa mẫu (trước khi gửi đi phân tích) như sau:

TT	Mã mẫu	Tên sản phẩm	Số giấy đăng ký kiểm tra	Chỉ tiêu phân tích
1	8712504004	Lecithin	Số 1717/HQ-GDK-TTKN ngày 18/03/2025 Mã hồ sơ: BNNPTNT29250033448	1. Asen (As) vô cơ: mg/kg 2. Chì (Pb): mg/kg 3. Thủy ngân (Hg): mg/kg 4. Salmonella spp.:/25g 5. Escherichia coli: CFU/g

Biên bản này được làm thành 02 bản: 01 bản lưu tại cơ sở thực hiện mã hóa, 01 bản lưu sẽ gửi kèm theo kết quả phân tích mẫu.

NGƯỜI LẬP
(chữ ký và họ tên)



Quách Thị Thu Huyền

**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

Số báo cáo: BNNPTNT29250033448

1. Tên cơ sở sản xuất: TTET Union Corporation / Taiwan
2. Tên cơ sở nhập khẩu (nếu có): Cty Cổ Phần Chăn Nuôi C.P. VN-CN SXKD Thức Ăn Thủy Sản
3. Sản phẩm thử nghiệm: Lecithin
4. Tiêu chuẩn/ Quy chuẩn chứng nhận: QCVN 02-31-2 : 2019/BNNPTNT
5. Đánh giá chi tiết chỉ tiêu thử nghiệm:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phiếu kết quả thử nghiệm mẫu			Mức yêu cầu	Đánh giá
		Số	Tên phòng thử nghiệm	Kết quả thử		
Tên mẫu (Tên, mã số mẫu): Lecithin						
1	Asen (As) vô cơ: mg/kg	3318/2025/TT V1-KN	Trung tâm Vùng I	KPH	≤ 3	Phù hợp
2	Chì (Pb): mg/kg			KPH	≤ 2	Phù hợp
3	Thủy ngân (Hg): mg/kg			<0,05	≤ 1	Phù hợp
4	<i>Escherichia coli</i> : cfu/g			< 10	≤ 10	Phù hợp
5	<i>Salmonella</i> spp: /25g			KPH	KPH	Phù hợp

Ghi chú: KPH – Không phát hiện

6. KẾT LUẬN/ KIẾN NGHỊ (Nếu có):

- ☒ Kết quả thử nghiệm phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn/ quy chuẩn áp dụng.
- ☐ Chỉ tiêu thử nghiệm/..... không đạt/còn thiếu so với yêu cầu của tiêu chuẩn...../..... Đề nghị ASTAC thông báo cho khách hàng.
- ☐ Mẫu thử nghiệm không đạt yêu cầu tiêu chuẩn/..... kiến nghị không chứng nhận.
- ☐ Kiến nghị (Nếu có):không.....

Ngày: 04/04/2025

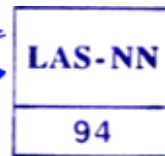
Chuyên gia đánh giá:

Quách Thị Thu Huyền



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 092 327 9799
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

ANALYTICAL REPORT

Số/No.: 3318/2025/TTVI-KN

Tên khách hàng/Customer name ⁽¹⁾ : Quách Thị Thu Huyền
Địa chỉ/Address ⁽¹⁾ : Số 9, đường Nguyễn Văn Cừ (nối dài), phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
Người gửi mẫu/Delivered by ⁽¹⁾ : Quách Thị Thu Huyền
Mô tả mẫu/Sample description ⁽¹⁾ : Thức ăn bổ sung dùng trong nuôi trồng thủy sản
Mã số mẫu/Sample code : 8712504004
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 01/04/2025
Ngày phân tích/Analysing date : 01/04/2025

Tên mẫu/ Sample name ⁽¹⁾	Chỉ tiêu/ Parameters ⁽¹⁾	ĐVT/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp thử/ Test method
Lecithin	Asen (As) vô cơ (**)	mg/kg (LOQ=0,9)	KPH	EN 16278:2012
	Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	KPH	TCVN 9588:2013
	Thủy ngân (Hg) (**)	mg/kg (LOQ=0,05)	<0,05	EN 16277:2012
	Escherichia coli (*)(**)	CFU/g	<10	TCVN 7924-2:2008
	Salmonella spp. (*)(**)	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017

Cần Thơ, ngày/date: 04/04/2025

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



Nguyễn Đình Xuân Quý

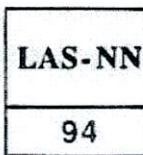
Ghi chú/ Note:

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (**) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- ⁽¹⁾ Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM, KIỂM NGHIỆM,
KIỂM ĐỊNH NUÔI TRỒNG THỦY SẢN
TRUNG TÂM VÙNG I

DC/Addr: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 092 327 9799
Email: astac.mk@gmail.com



PHIẾU YÊU CẦU/ REQUISITION FORM

Số/No.: 872/2025

1. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG YÊU CẦU/ CUSTOMER INFORMATION REQUESTED

a. Đơn vị/ người gửi mẫu/ Sample sender:

Tên / Name: Quách Thị Thu Huyền

Địa chỉ/ Address: Số 9, Nguyễn Văn Cừ (nối dài), P. An Bình, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ

Số điện thoại/Tel: Email: huyenquach070984@gmail.com

Người liên hệ/ Contact Person: Quách Thị Thu Huyền Điện thoại/Tel: 0987167000

b. Thông tin xuất hóa đơn/ Billing information (☐ Có/Yes; ☐ Không/No):

Tên / Name:

Địa chỉ/ Address:

Mã số thuế/ Tax code:

E-mail gửi hoá đơn:

c. Thông tin mẫu / Sample information

TT	Tên mẫu/ Sample name	Mô tả mẫu/ Sample description	Khối lượng/Weight hoặc/or Thể tích/Volume	Chỉ tiêu yêu cầu/ Required parameter	Phương pháp thử/ Test method (nếu có/ if any)	Mã số mẫu/ Sample code (TTVI ghi cột này/TTVI writes this column)
1	Bột Gan Mực (Squid Liver Powder)	Mẫu dạng bột được đựng trong túi zipper, bảo quản nhiệt độ thường (Nguyên liệu sản xuất thức ăn có nguồn gốc từ thủy sản)	500 gram	1. Ethoxyquin (mg/kg) 2. Asen (As) tổng số: mg/kg 3. Chì (Pb): mg/kg 4. Cadimi(Cd): mg/kg 5. Thủy ngân (Hg): mg/kg		
			500 gram	6. Salmonella spp.: /25g 7. Escherichia coli: CFU/g		

c. Yêu cầu khác/ Other requirements

Mục đích / Purpose:
☐ Thử nghiệm/ Analysis; ☐ Giám định/ Assess; ☐ Khác/ other:
Trả kết quả/ Result format: ☐ Trực tiếp/Directly; ☐ Thư/Letter; ☒ Email (bản ký số/digital signature)
Nhà thầu phụ/Subcontractor (If any): ☐
Nhận lại mẫu sau thử nghiệm/ Returning sample request : ☐ Có/Yes ☐ Không/No
Yêu cầu khác/ Other requirements (nếu có/if any):

Người gửi mẫu/
Customer

Quách Thị Thu Huyền

2. XÁC NHẬN CỦA TRUNG TÂM/ ASTAC VERIFICATION

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 11/4/2025
Ngày dự kiến trả kết quả / Expected date of issue: 17/4/2025
Tình trạng bao gói mẫu/ Sample packaging condition: ☒ Nguyên vẹn/ Intact; ☐ Không nguyên vẹn/ Not Intact
Nhiệt độ bảo quản mẫu/ Sample storage temperature: ☒ Môi trường/ Environmental; ☐ Lạnh/ cold; ☐ Đông lạnh/ Frozen
Ghi chú/ note:

Người nhận mẫu/
Recipient

Nguyễn Ngọc Ánh

Ghi chú:

- Quý khách hàng ghi đúng, đầy đủ thông tin theo nhu cầu vào mục 1 ngoại trừ cột "Mã số mẫu/ Sample code", Trung tâm không chịu trách nhiệm về các thông tin do khách hàng cung cấp/ Customers must fill in correct and complete information according to their needs in section 1 except for the "Sample code" column. ASTAC is not responsible for the information provided by customers.

Cần Thơ, ngày 01 tháng 04 năm 2025

BIÊN BẢN MÃ HÓA MẪU PHÂN TÍCH

1. Người thực hiện gửi và mã hóa mẫu:

- Họ tên: Quách Thị Thu Huyền
- Đơn vị: Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định NTTS Vùng I

2. Tên đơn vị nhập khẩu: Cty Cổ Phần Chăn Nuôi C.P. VN-CN SXKD Thức Ăn Thủy Sản

3. Thời gian thực hiện: ngày 01/04/2025

4. Thực hiện giao mã hóa mẫu (trước khi gửi đi phân tích) như sau:

TT	Mã mẫu	Tên sản phẩm	Số giấy đăng ký kiểm tra	Chỉ tiêu phân tích
1	8722504005	Bột Gan Mực (Squid Liver Powder)	Số 1511/HQ-GDK-TTKN ngày 11/03/2025 Mã hồ sơ: BNNPTNT29250033244	1. Asen (As) tổng số: mg/kg 2. Chì (Pb): mg/kg 3. Cadimi(Cd): mg/kg 4.Thủy ngân (Hg): mg/kg 5. Ethoxyquin (mg/kg) 6. Salmonella spp.:/25g 7. Escherichia coli: CFU/g

Biên bản này được làm thành 02 bản: 01 bản lưu tại cơ sở thực hiện mã hóa, 01 bản lưu sẽ gửi kèm theo kết quả phân tích mẫu.

NGƯỜI LẬP
(chữ ký và họ tên)



Quách Thị Thu Huyền

**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

Số báo cáo: BNNPTNT29250033244

1. Tên cơ sở sản xuất: Hyundai Special Feed Ind Co., Ltd/ Republic of Korea
2. Tên cơ sở nhập khẩu (nếu có): Công ty Cổ Phần Chăn Nuôi C.P. VN-CN SXKD Thức Ăn Thủy Sản
3. Sản phẩm thử nghiệm: Bột Gan Mực (Squid Liver Powder)
4. Tiêu chuẩn/ Quy chuẩn chứng nhận: QCVN 01 - 190: 2020/BNNPTNT; Sửa đổi 1:2021 QCVN 01-190:2020/BNNPTNT
5. Đánh giá chi tiết chỉ tiêu thử nghiệm:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phiếu kết quả thử nghiệm mẫu			Mức yêu cầu	Đánh giá
		Số	Tên phòng thử nghiệm	Kết quả thử		
Tên mẫu (Tên, mã số mẫu): Bột Gan Mực (Squid Liver Powder)						
1	Asen (As) tổng số: mg/kg	3319/2025/ TTV1-KN	Trung tâm Vùng I	0,45	≤ 25,0	Phù hợp
2	Chì (Pb): mg/kg			KPH	≤ 10,0	Phù hợp
3	Cadimi(Cd): mg/kg			1,43	≤ 2,0	Phù hợp
4	Thủy ngân (Hg): mg/kg			<0,05	≤ 0,5	Phù hợp
5	Ethoxyquin (mg/kg)			KPH	150,0	Phù hợp
6	<i>Escherichia coli</i> : CFU/g			< 10	< 10	Phù hợp
7	<i>Salmonella spp.</i> : 25g			KPH	Không có trong 25,0 g	Phù hợp

1. KẾT LUẬN/ KIẾN NGHỊ (Nếu có):

- ☒ Kết quả thử nghiệm phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn/ quy chuẩn áp dụng.
- ☐ Chỉ tiêu thử nghiệm/..... không đạt/còn thiếu so với yêu cầu của tiêu chuẩn...../..... Đề nghị ASTAC thông báo cho khách hàng.
- ☐ Mẫu thử nghiệm không đạt yêu cầu tiêu chuẩn/..... kiến nghị không chứng nhận.
- ☐ Kiến nghị (Nếu có):/.....

Ngày: 04/04/2025

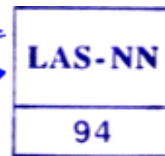
Chuyên gia đánh giá:

Quách Thị Thu Huyền



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 092 327 9799
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

ANALYTICAL REPORT

Số/No.: 3319/2025/TTVI-KN

Tên khách hàng/Customer name ⁽¹⁾ : Quách Thị Thu Huyền
Địa chỉ/Address ⁽¹⁾ : Số 9, đường Nguyễn Văn Cừ (nối dài), phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
Người gửi mẫu/Delivered by ⁽¹⁾ : Quách Thị Thu Huyền
Mô tả mẫu/Sample description ⁽¹⁾ : Nguyên liệu sản xuất thức ăn thủy sản
Mã số mẫu/Sample code : 8722504005
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 01/04/2025
Ngày phân tích/Analysing date : 01/04/2025

Tên mẫu/ Sample name ⁽¹⁾	Chỉ tiêu/ Parameters ⁽¹⁾	ĐVT/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp thử/ Test method
Bột Gan Mực (Squid Liver Powder)	Asen (As) tổng số	mg/kg (LOQ=0,15)	0,45	TCVN 9588:2013
	Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	KPH	TCVN 9588:2013
	Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	1,43	TCVN 9588:2013
	Thủy ngân (Hg) (**)	mg/kg (LOQ=0,05)	<0,05	EN 16277:2012
	Ethoxyquin (*)	mg/kg (LOQ=0,1)	KPH	AOAC 996.13
	Escherichia coli (*)(**)	CFU/g	<10	TCVN 7924-2:2008
	Salmonella spp. (*)(**)	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017

Cần Thơ, ngày/date: 04/04/2025

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



Nguyễn Đình Xuân Quý

Ghi chú/ Note:

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (**) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- ⁽¹⁾ Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.